

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2020.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2020, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HN, ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Kiên S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân, chị và anh S, không có quen nhau trước mà do mai mối rồi đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về lối sống, ứng xử, giao tiếp, vợ chồng chung sống không có sinh con, thường xuyên cãi vã với nhau, sống không có hạnh phúc, không chung sống nhau, đã ly thân hơn 06 năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau, nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S chung sống không có sinh con chung.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay anh Kiên S là bị đơn trong vụ án, anh S vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D và anh S được ly hôn với nhau, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị D được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Kiên S là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh Kiên S vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Kiên S theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị D khởi kiện anh S yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị D và anh S xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị D khai: Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống, ứng xử và giao tiếp, vợ chồng sống nhưng không có sinh con, không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc, đã ly thân nhau hơn 06 năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm với nhau, tình cảm không còn. Chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên S.

Tại các bản khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/3/2020, anh S khai: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, cách ứng xử giao tiếp và tình cảm, vợ chồng ly thân không chung sống với nhau gần 07 năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm với nhau và tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị D và cũng không xin đoàn tụ trở lại. Yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa anh S và chị D tuy chưa thống nhất về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm vợ chồng thì anh S, chị D phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề phát sinh một cách tốt đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đáng này khi mâu thuẫn xảy ra anh S và chị D bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến, anh S, chị D đã ly thân hơn 06 năm, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D và anh S được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Anh S và chị D chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh S và chị D không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định pháp luật chị D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Do chị Thạch Thị D là người dân tộc thiểu số, sống ở xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang thuộc xã đặc biệt khó khăn, chị D có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị D được miễn nộp án phí.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thạch Thị D và anh Kiên S được ly hôn với nhau.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị D được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Thạch Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Kiên S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày anh nhận bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm